ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2823 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2025 -2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 984/TTr-SNNMT ngày 01/12/2025; Báo cáo số 1374/BC-SNNMT ngày 26/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa được tính theo biểu sau:

TT	Biện pháp công trình	Giá sản phẩm (đồng/ha/vụ)
1	Tưới bằng động lực	2.167.430
2	Tưới bằng trọng lực	1.517.201
3	Tưới bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.842.316

- Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

- Mức giá đối với diện tích (ha) trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu được tính bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

- Mức giá đối với diện tích cấp nước để nuôi trồng thủy sản được tính bằng 138% (... đồng/ha mặt thoáng/năm) mức giá đối với đất trồng lúa động lực.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Quyết định này là giá chưa có thuế giá trị gia tăng.

3**.** Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

Số TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Biện pháp công trình		Ghi chú
			Hồ đập, kênh, cống	Bơm điện	
1	- Nuôi trồng thủy sản tại công trình thủy lợi - Nuôi cá bè	% giá trị sản lượng	8% 6%		
2	Từ dùng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	10%		
3	Sử dụng công trình để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng)	Tổng giá trị doanh thu	13%		

Số TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Biện pháp công trình		Ghi chú
			Hồ đập, kênh, cống	Bơm điện	
4	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp	đồng/m^3	900	1.800	
5	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	đồng/m^3	900	1.320	

4. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác được quy định tại Quyết định này là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

5. Thời gian áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 29/12/2012 của UBND tỉnh quy định mức thu tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VI, Chủ tịch UBND các phường, xã; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;

(b/c)

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn